



VERTICAL TRANSFER SYSTEM VTS SERIES

Dòng sản phẩm Hệ thống vận chuyển dọc VTS - Sơ đồ giới thiệu thiết bị chính

Các chuyên gia vận chuyển dọc sẽ thỏa mãn mọi nhu cầu của quý khách hàng.

Chín người thì mười ý, phương thức quản lý và vận hành của các cơ sở vận chuyển hàng hóa cũng thiên biến vạn hóa.

Vậy nên, băng tải dọc cũng được tùy biến linh hoạt để phù hợp với từng nơi.

Tối ưu hóa chính là giá trị cốt lõi của HOKUSHO.

Vertical Continuous
Transfer Conveyor
VERTILATOR

Vertical Reciprocating
Transfer Conveyor
AUTOLATOR

Vertical Sorting
Transfer Conveyor
HIGH-TRAY

Dòng sản phẩm VTS - Sơ đồ phân loại thiết bị

※ Các thiết bị được giới thiệu trong sơ đồ phân loại này không phải là toàn bộ các chủng loại thiết bị.

Hệ thống vận chuyển dọc (băng tải dọc) là gì?

Đây là cơ cấu vận chuyển dành riêng cho hàng hóa có tuyến vận chuyển theo chiều dọc, được cấu thành bởi bộ phận vận chuyển dọc được trang bị cơ cấu nâng hạ bộ phận đỡ hàng hóa (phần thân thiết bị vận chuyển theo chiều dọc) và bộ phận vận chuyển ngang được trang bị cơ cấu xếp dỡ hàng sẽ tự động đưa hàng hóa vào và lấy hàng hóa ra khỏi bộ phận đỡ hàng hóa (bảng tải xếp dỡ hàng hoặc thiết bị xếp dỡ hàng). (Trường hợp đặc tính kỹ thuật chuyên dành cho xe vận chuyển không người lái không có cơ cấu xếp dỡ hàng) Những cơ cấu này được điều khiển tự động, tạo thành một thiết bị vận chuyển thống nhất. * Đây là thiết bị vận chuyển dành riêng cho hàng hóa nên **con người tuyệt đối không được leo lên thiết bị**.



■ Hình dạng/trọng lượng tiêu chuẩn của kiện hàng được vận chuyển

■ Tên phân loại theo tiêu chuẩn JIS
(loại thiết bị, tên sản phẩm)

☐ Chức năng theo phân loại thiết bị và tên sản phẩm/mã cơ bản
☐ Kiểu nâng hạ pa lăng xích (tốc độ thấp/trung bình)
 ☐ Kiểu nâng hạ dây đai (tốc độ thấp/trung bình)
 ☐ WR Kiểu nâng hạ dây cáp (tốc độ cao)

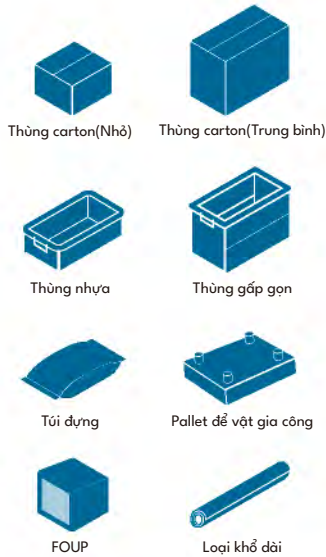
■ Tải trọng vận chuyển tối đa khác nhau tùy thuộc vào chiều cao

■ **Năng lực vận chuyển tiêu chuẩn**
r, tốc độ nâng hạ, v.v.

Phương thức nâng hạ

Hình ảnh phân tầng xử lý và phương thức hướng vận chuyển

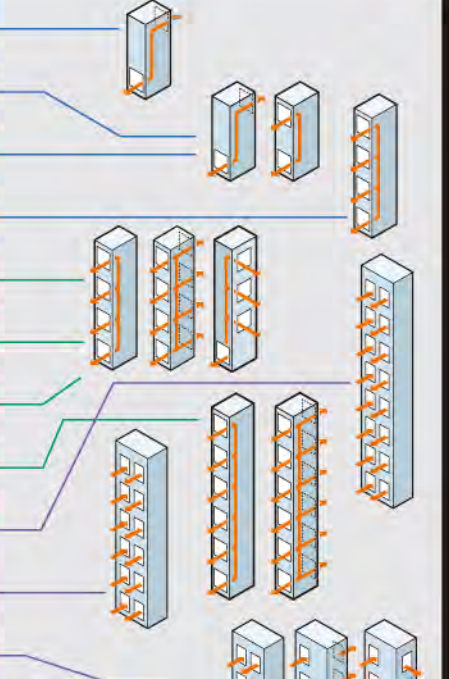
■ **Kiện hàng trọng lượng nhẹ**
(Trọng lượng tiêu chuẩn ~50kg)



V	Tên phân loại theo tiêu chuẩn JIS: bảng tài trượt dọc Tên thiết bị: Máy vận chuyển dọc liên tục Tên sản phẩm: VERTILATOR Video mô phỏng hoạt động [Kiểu Z]  Video mô phỏng hoạt động [Kiểu C] 
A	Tên phân loại theo tiêu chuẩn JIS: bảng tải dọc hai chiều Tên thiết bị: Máy vận chuyển dọc hai chiều Tên sản phẩm: AUTOLATOR Video mô phỏng hoạt động 
H	Tên phân loại theo tiêu chuẩn JIS: bảng tải khay dọc Tên thiết bị: Máy vận chuyển dọc và phân chia hàng Tên sản phẩm: HIGH-TRAY Video mô phỏng hoạt động 

<Đổi với vận chuyển thùng hộp>Máy vận chuyển dọc liên tục dùng dây nâng hạ Dây đai Vertilator	VBS14	
<Đổi với vận chuyển thùng hộp>Máy vận chuyển dọc liên tục dùng pa lăng xích nâng hạ Vertilator Kiểu S	VES11	
<Đổi với vận chuyển thùng hộp>Máy vận chuyển dọc liên tục dùng pa lăng xích nâng hạ Vertilator Kiểu F	VEF11	
<Đổi với vận chuyển thùng hộp>Máy vận chuyển dọc liên tục dùng pa lăng xích nâng hạ và có thể lựa chọn tuyến vận chuyển Kiểu đa tầng Vertilator	VSVF	
<Đổi với vận chuyển thùng hộp>Máy vận chuyển dọc hai chiều dùng dây nâng hạ Dây đai Autolator	AEF	
<Đổi với vận chuyển thùng hộp>Máy vận chuyển dọc hai chiều dùng pa lăng xích nâng hạ Autolator	AEF	
<Đổi với vận chuyển thùng hộp>Máy vận chuyển dọc hai chiều dùng dây cáp nâng hạ Autolator	AEF	
<Đổi với vận chuyển FOU>Máy vận chuyển dọc hai chiều tốc độ cao dùng dây cáp nâng hạ Clean Autolator Dành riêng cho FOU	LDFF	
<Đổi với vận chuyển FOU>Máy vận chuyển khay dọc liên tục dùng pa lăng xích nâng hạ Clean High-Tray Dành riêng cho FOU	HDFF	
<Đổi với vận chuyển thùng hộp>Máy vận chuyển dọc và phân chia hàng dùng pa lăng xích nâng hạ với cơ chế tiết kiệm năng lượng High-Tray Kiểu dây đai và khay	HBF	
<Đổi với vận chuyển thùng hộp>Máy vận chuyển dọc và phân chia hàng dùng pa lăng xích nâng hạ High-Tray	HTF	

~20kg	Khoảng 3,000 kiện/giờ	Kiểu nâng hạ dây đai	2 tầng
~30kg	* Khoảng 2,000 kiện/giờ	Kiểu nâng hạ pa lăng xích	2 tầng
~100kg	* Khoảng 1,600 kiện/giờ	Kiểu nâng hạ pa lăng xích	2 tầng
~80kg	Khoảng 500 kiện/giờ	Kiểu nâng hạ pa lăng xích	4 tầng
~60kg	Khoảng 150 kiện/giờ	Kiểu nâng hạ dây đai	4 tầng
~60kg	Khoảng 120 kiện/giờ	Kiểu nâng hạ pa lăng xích	4 tầng
~60kg	Khoảng 150 kiện/giờ	Kiểu nâng hạ dây cáp	4 tầng
~30kg	Khoảng 140 kiện/giờ (Vận chuyển 2 kiện)	Kiểu nâng hạ dây cáp	6 tầng
~15kg	Khoảng 400 kiện/giờ	Kiểu nâng hạ pa lăng xích	8 tầng
~20kg	Khoảng 1,500 kiện/giờ	Kiểu nâng hạ pa lăng xích	6 tầng
~50kg	Khoảng 500 kiện/giờ	Kiểu nâng hạ pa lăng xích	6 tầng

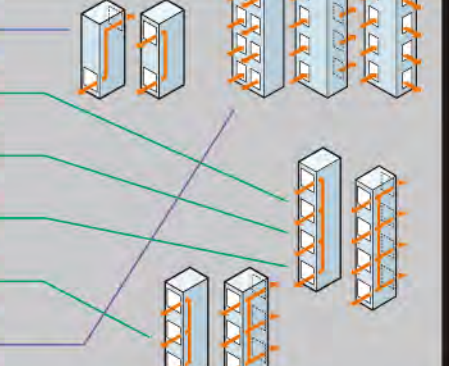


■ **Kiện hàng trọng lượng trung bình** (Trọng lượng tiêu chuẩn 50~500kg)

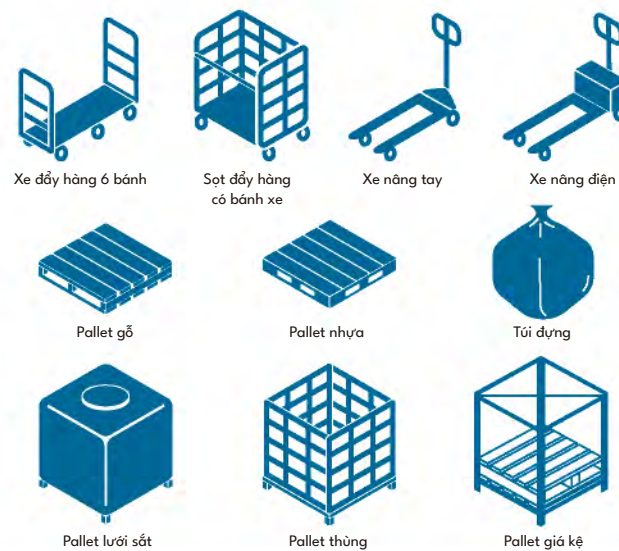


V	•Đổi với vận chuyển thùng hộp>Máy vận chuyển dọc liên tục dùng pa lăng xích nâng hạ Vertilator Kiểu P	VEP11 
	•Đổi với vận chuyển thùng hộp>Máy vận chuyển dọc hai chiều dùng đai nâng hạ <u>Đai đai</u> Autolator	AEP 
A	•Đổi với vận chuyển thùng hộp>Máy vận chuyển dọc hai chiều dùng pa lăng xích nâng hạ Autolator	AEP 
	•Đổi với vận chuyển thùng hộp>Máy vận chuyển dọc hai chiều dùng dây cáp nâng hạ Autolator	AEP 
	•Kiến hàng da hình dạng>Máy vận chuyển tuần hoàn dọc <u>Tuần hoàn</u> Autolator	LZSW 
H	•Đổi với vận chuyển thùng hộp>Máy vận chuyển dọc và phân chia hàng dùng pa lăng xích nâng hạ High-Tray	HTP 

~200kg	* Khoảng 700 kiện/giờ	Kiểu nâng hạ pa lăng xích	2 tầng
~200kg	Khoảng 130 kiện/giờ	Kiểu nâng hạ dây đai	4 tầng
~200kg	Khoảng 120 kiện/giờ	Kiểu nâng hạ pa lăng xích	4 tầng
~200kg	Khoảng 150 kiện/giờ	Kiểu nâng hạ dây cáp	4 tầng
~500kg	Số lần vận chuyển: khoảng 20 lần/giờ	Kiểu nâng hạ pa lăng xích	3 tầng
~120kg	Khoảng 300 kiện/giờ	Kiểu nâng hạ pa lăng xích	6 tầng

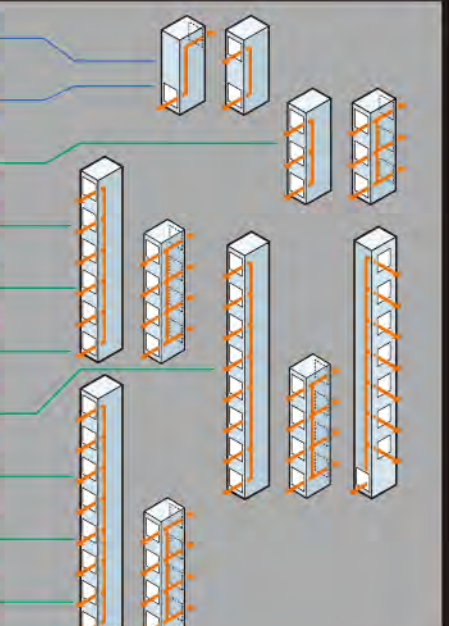


■ **Kiện hàng trọng lượng lớn** (Trọng lượng tiêu chuẩn 500~3.000kg)



V	•Đổi với vận chuyển bằng pallet•Máy vận chuyển độc liên tục dùng pa lăng xích nâng hạ Vertilorator Kiểu W VEW 
	•Đổi với vận chuyển bằng pallet•Máy vận chuyển độc liên tục dùng pa lăng xích nâng hạ Vertilorator Kiểu M VCM 
	•Kiến hàng da hình dạng•Máy vận chuyển tuần hoàn độc Tuần hoàn Autolator LZSH 
	•Đổi với vận chuyển bằng pallet•Máy vận chuyển độc hai chiều điều khiển tiết kiệm năng lượng dùng pa lăng xích nâng hạ định cho khu vực trên thấp Phân trên thấp Autolator V *Lắp đặt tiêu chuẩn "E-VEAS" hoặc "VEAS" AVVV-V 
A	•Quay cù vận chuyển tự do ngoài Pallet•Máy vận chuyển độc hai chiều điều khiển tiết kiệm năng lượng dùng pa lăng xích nâng hạ định cho khu vực trên thấp Phân trên thấp Autolator V Quay vòng sản AVNWW-V 
	•Quay cù vận chuyển tự do ngoài Pallet•Máy vận chuyển độc hai chiều điều khiển tiết kiệm năng lượng dùng pa lăng xích nâng hạ định cho khu vực trên thấp Phân trên thấp Autolator V Quay vòng sản kiểu E AVEWW-V 
	•Đổi với vận chuyển bằng pallet•Máy vận chuyển độc hai chiều điều khiển tiết kiệm năng lượng dùng pa lăng xích nâng hạ Autolator V *Lắp đặt tiêu chuẩn "E-VEAS" hoặc "VEAS" AEVV-V 
	•Đổi với vận chuyển bằng pallet•Máy vận chuyển độc hai chiều điều khiển tiết kiệm năng lượng dùng pa lăng xích nâng hạ Ngày dài Autolator V *Lắp đặt tiêu chuẩn "E-VEAS" hoặc "VEAS" AEWW-V 
B	•Quay cù vận chuyển tự do ngoài Pallet•Máy vận chuyển độc hai chiều điều khiển tiết kiệm năng lượng dùng pa lăng xích nâng hạ Autolator V Quay vòng sản *Lắp đặt tiêu chuẩn "VEAS" AENWW-V 
	•Quay cù vận chuyển tự do ngoài Pallet•Máy vận chuyển độc hai chiều điều khiển tiết kiệm năng lượng dùng pa lăng xích nâng hạ Autolator V Quay vòng sản kiểu E *Lắp đặt tiêu chuẩn "VEAS" AEEWW-V 

~1,440kg	* Khoảng 190 pallet/giờ	Kiểu nâng hạ pa lăng xích	2 tầng
~2,700kg	* Khoảng 190 pallet/giờ	Kiểu nâng hạ pa lăng xích	2 tầng
~1,000kg	Số lần vận chuyển: khoảng 19 lần/giờ	Kiểu nâng hạ pa lăng xích	3 tầng
~2,000kg	Khoảng 70 pallet/giờ	Kiểu nâng hạ pa lăng xích	6 tầng
~1,500kg	Số lần vận chuyển: khoảng 65 lần/giờ	Kiểu nâng hạ pa lăng xích	6 tầng
~1,500kg	Số lần vận chuyển: khoảng 65 lần/giờ	Kiểu nâng hạ pa lăng xích	6 tầng
~3,000kg	Khoảng 90 pallet/giờ	Kiểu nâng hạ pa lăng xích	8 tầng
~1,000kg	Khoảng 85 pallet/giờ	Kiểu nâng hạ dây đai	8 tầng
~2,000kg	Số lần vận chuyển: khoảng 75 lần/giờ	Kiểu nâng hạ pa lăng xích	8 tầng
~2,000kg	Số lần vận chuyển: khoảng 90 lần/giờ	Kiểu nâng hạ pa lăng xích	8 tầng



* "E-VEAS" và "VEAS" là hệ thống thiết bị điều khiển tiết kiệm năng lượng chuyên dụng cho các máy Autolator cỡ lớn.

* Số liệu của vận chuyển kiểu Z. Trong trường hợp vận chuyển kiểu C, công suất bằng khoảng một nửa.

☐ Môi trường lắp đặt / trong nhà: Nhiệt độ môi trường 0-40°C (không ngưng sương)
 ☐ Đáp ứng với môi trường bình thường (Kiểu năng hạ dùng pa lăng xích thép / kiểu năng hạ dùng dây cáp)
 ☐ Đáp ứng với môi trường sạch (không sương dầu / mát kim loại) (Kiểu năng hạ dùng dây dural)
 ☐ Môi trường đặc biệt / ☐ Đáp ứng với môi trường nhiệt độ thấp (-5 đến -30°C) [Thích số kỹ thuật chi nhiệt độ thấp]
 ☐ Đáp ứng nhu cầu vệ sinh [Thích số kỹ thuật toàn bộ thiết phòng khí]
 ☐ Đáp ứng với môi trường tạo ra khí nổ và bụi [Thích số kỹ thuật chống cháy nổ]
 ☐ Đáp ứng môi trường sạch [Thích số kỹ thuật phòng sạch]
 ☐ Thích số kỹ thuật khác tùy thuộc vào đặc độ sạch được yêu cầu.

■ **Kết cấu dầm / 2-8 tầng** **※**Vị trí dầm kết cấu khung nên có thể lắp đặt ở những nơi không có vận tải (trục chống cháy) nếu có thể thì công chống rung. (Có giới hạn về chiều cao máy) Tuy nhiên, nếu có lỗ mở trên sàn thì cần kiểm tra khu vực chống cháy. ○ Thông số thiết kế dầm đặc biệt / 1. Trường hợp vượt quá tải trọng tải [Thông số kỹ thuật bổ sung về cơ khí và điều khiển] 2. Trường hợp chống cháy hoặc chống ăn mòn (thiết bị vượt quá chiều cao tối đa [Thông số thiết kế vượt quá khung thanh chính]) 3. Trường hợp vận chuyển tải trọng nặng (hơn 3 tấn) [Thông số kỹ thuật tải trọng cao tải] 4. Trường hợp lắp đặt ngoài trời liên kết với tòa nhà [Thiết bị kết nối ngoài trời]

Thông tin mới nhất trên web



Mã QR truy cập vào trang chủ.

Trang chủ bằng tiếng Việt - Trang đầu

<https://www.hokusho.co.jp/vn>



Tạo ra dòng chảy tối ưu của hàng hóa

HOKUSHO CO., LTD.

<https://www.hokusho.co.jp/vn>

Trụ sở chính

TEL: +81-76-267-3111 (Tổng đài) FAX: +81-76-268-2241
E-6 Shimenomachi, Kanazawa-shi, Ishikawa-ken, 920-8711 Japan

Nhà máy Hakusan

TEL: +81-76-275-7711 (Tổng đài) FAX: +81-76-275-7171
3-17 Asahigaoka, Hakusan-shi, Ishikawa-ken, 924-0004 Japan

Chi nhánh Tokyo

TEL: +81-3-5719-7011 (Tổng đài) FAX: +81-3-5719-7017
5F Mitsumura Building, 1-15-9 Osaki, Shinagawa-ku, Tokyo, 141-0032 Japan

Trạm dịch vụ Tokyo

TEL: +81-3-5719-7012 (Trực tiếp) FAX: +81-3-5719-7017
5F Mitsumura Building, 1-15-9 Osaki, Shinagawa-ku, Tokyo, 141-0032 Japan

Chi nhánh Osaka/Trạm dịch vụ Osaka

TEL: +81-6-6543-2771 (Tổng đài) FAX: +81-6-6543-2776
4F Shinanobashi Fuji Building, 1-3-10 Nishihonmachi, Nishi-ku,
Osaka-shi, Osaka-fu, 550-0005 Japan

Chi nhánh Nagoya/Trạm dịch vụ Nagoya

TEL: +81-52-932-2781 (Tổng đài) FAX: +81-52-932-2920
7F Sun Ace Tokugawa Building, 1-901 Tokugawa, Higashi-ku,
Nagoya-shi, Aichi-ken, 461-0025 Japan

Chi nhánh Hokuriku/Trạm dịch vụ Hokuriku

TEL: +81-76-267-3333 FAX: +81-76-267-3317
E-6 Shimenomachi, Kanazawa-shi, Ishikawa-ken, 920-8711 Japan

Văn phòng kinh doanh Kanagawa/Trạm dịch vụ Kanagawa

TEL: +81-46-231-3212 (Tổng đài) FAX: +81-46-231-3985
2F Shizuoka Fudosan Ebina Building, 3-3-14 Chuo,
Ebina-shi, Kanagawa-ken, 243-0432 Japan

Trạm dịch vụ Hokkaido (Sapporo Machine Maintenance Co., Ltd.)

TEL: +81-11-215-4341 FAX: +81-11-215-4342
3-2-25-103 Yonesatojo, Shiroishi-ku, Sapporo-shi,
Hokkaido 003-0871 Japan

Trạm dịch vụ Sendai

TEL: +81-22-226-8090 FAX: +81-22-226-8091
310 Esberanza 102A, 4-4-51 Kagitori, Taihaku-ku,
Sendai-shi, Miyagi-ken, 982-0804 Japan

Trạm dịch vụ Chugoku/Shikoku (MATEX Co., Ltd.)

TEL: +81-84-963-8663 FAX: +81-84-962-0082
22-5 Jukukenya, Kannabe-cho, Fukuyama-shi, Hiroshima-ken, 720-2106 Japan

Văn phòng Kyushu

TEL: +81-92-718-3321 FAX: +81-92-718-3323
B421 Grand Park Tenjin, 1-8-26 Maizuru, Chuo-ku,
Fukuoka-shi, Fukuoka-ken, 810-0073 Japan

Trạm dịch vụ Kyushu (TANAKA Co., Ltd.)

TEL: +81-940-62-5485 FAX: +81-940-62-5486
996-5 Takemaru, Munakata-shi, Fukuoka-ken, 811-4152 Japan

Bộ phận kinh doanh nước ngoài

TEL: +81-3-5719-7016 FAX: +81-3-5719-7017
5F Mitsumura Building, 1-15-9 Osaki, Shinagawa-ku, Tokyo, 141-0032 Japan

HOKUSHO SHANGHAI CO., LTD. (Thượng Hải)

TEL: +86-21-6236-0687 FAX: +86-21-6236-0917
Room 1405, New Town Center, No.83 Loushanguan Road,
Shanghai, 200336 China

<https://www.hokusho-cn.com>

HOKUSHO KOREA CO., LTD.

TEL: +82-2-565-4521 FAX: +82-2-565-4522
HOKUSHO KOREA TOWER 16Fl., 15, Teheran-ro 88-gil, Gangnam-gu,
Seoul, 06180 Republic of Korea

<http://www.hokusho.co.kr>

Cửa hàng

※Đơn vị phát hành: Hokusho Co., Ltd. - Phòng kinh doanh
※Nghiêm cấm sao chép, sửa đổi và sử dụng trái phép một phần hoặc toàn bộ nội dung.
※Xin lưu ý rằng thông số kỹ thuật có thể thay đổi mà không thông báo trước.

